

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-4-2022

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Ông Bùi Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm 8, thôn C, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xóm 8, thôn C, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và đơn đề nghị, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 25-7-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 12 năm 2019, đôi bên đã

tìm cách khắc phục nhưng không được nên sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị D có 01 con là Nguyễn Hữu Khánh N, sinh ngày 15-7-2016. Sau khi anh nhận được kết quả giám định cháu N và anh không có quan hệ huyết thống cha - con nên anh xác định cháu N không phải là con chung của anh và chị D, đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Hữu Khánh N là con riêng của chị D, anh không có nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi cháu N. Về chi phí giám định, anh tự nguyện chịu cả số tiền anh đã nộp tạm ứng chi phí giám định ADN là 5.600.000 đồng.

Về chia tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa anh và chị D, anh đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị D.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và đơn đề nghị, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2015, đến ngày 25-7-2016 thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 12 năm 2019, đôi bên đã tìm cách khắc phục nhưng không được nên sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con là Nguyễn Hữu Khánh N, sinh ngày 15-7-2016 là con riêng của chị, không phải là con chung của chị và anh T. Hiện nay cháu N do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh T phải góp cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa chị và anh T, chị đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 88 và Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Thị D; về nuôi con chung: Xác định anh T và chị D không có con chung. Xác định cháu Nguyễn Hữu Khánh N, sinh ngày 15-7-2016 là con riêng của chị D, giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu N; về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Về chi phí giám định: Anh T tự nguyện chịu cả 5.600.000 đồng tiền chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Anh Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị D, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và quan hệ tranh chấp là " Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

[2] *Về tố tụng*: Anh T và chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không tiến hành hòa giải vụ án ly hôn giữa anh T và chị D và Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 25-7-2016, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, đôi bên không khắc phục được, sống ly thân từ tháng

01 năm 2020 đến nay. Anh T khởi kiện xin ly hôn, chị D nhất trí. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trước thời điểm đăng ký hết hôn, chị D sinh cháu Nguyễn Hữu Khánh N, sinh ngày 15-7-2016. Cháu N đã được đăng ký khai sinh vào ngày 10-8-2016 tại UBND xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và trong phần họ tên người cha của cháu N được ghi tên anh Nguyễn Hữu T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị D đều xác định cháu N không phải là con chung của anh T và chị D, chị D xác định cháu N là con riêng của chị D. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đã Quyết định trưng cầu giám định để xác định huyết thống cha con giữa anh Nguyễn Hữu T và cháu Nguyễn Hữu Khánh N theo yêu cầu của anh T. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 08-4-2022 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis Hà Nội, địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà HCMCC, 249A Thụy Khê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội kết luận: Anh Nguyễn Hữu T và cháu Nguyễn Hữu Khánh N không có quan hệ huyết thống cha - con. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Hữu Khánh N không phải là con của anh T, cháu N là con riêng của chị D. Chị D có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu N, không đặt ra trách nhiệm nuôi và cấp dưỡng cháu N đối với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về chia tài sản: Anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí giám định ADN: Anh T đã nộp tạm ứng số tiền 5.600.000 đồng và tự nguyện chịu cả số tiền 5.600.000 đồng, không yêu cầu chị D trả lại cho anh số tiền này. Đây là sự tự nguyện của anh T, phù hợp với quy định tại các Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 88 và Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị D.

2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị D không có con chung. Xác định cháu Nguyễn Hữu Khánh N, sinh ngày 15-7-2016, là con của chị Nguyễn Thị D, không phải là con của anh Nguyễn Hữu T. Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh T và chị D có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. *Về chia tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003576 ngày 17 - 02 - 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Anh T đã nộp đủ tiền án phí).

5. *Về chi phí giám định*: Anh Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu cả 5.600.000 đồng tiền chi phí giám định (anh T đã nộp đủ).

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy